

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST

Ngày: 15/6/2023.

V/v: "Tr/c Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Minh.

2. Bà Lê Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen—Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương—Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2022/TLST- DS ngày 07/11/2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-DS ngày 08/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.**

Địa chỉ: Tòa nhà C, số A T, phường C, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S—Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T—Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B—chi nhánh Ninh Thuận. Ông Trần Đình Tài ủy quyền lại cho ông **Lê Văn H**—sinh năm 1987—Chuyên viên tổ KHCN phòng khách hàng của Ngân hàng TMCP B—chi nhánh Ninh Thuận tham gia tố tụng. Địa chỉ: Số D đường E, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

***Bị đơn: ông Kinh Đàng Quốc T**, sinh năm: 1980 (có mặt)

và bà **Trượng Thị Thanh H**, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Trú tại: Khu phố B, P, N, Ninh Thuận.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Trượng Thị D**, sinh năm 1968.

2. Chị **Trượng Thị R** - sinh năm 1987.

3. Anh **Trượng Văn G** - sinh năm 1989.

4. Chị **Trượng Thị Hoàng N** - sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn P, N, Ninh Thuận.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B ông Lê Văn Hiệp trình bày:

Ngày 19/11/2018, ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H có ký hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519 với Ngân hàng TMCP B—Chi nhánh Ninh Thuận để vay vốn với số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12,5%/ năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ hàng tháng. Khi vay có làm hợp đồng thế chấp số 631/2018/HĐTCBL/CN Ninh Thuận ngày 19/11/2018 để thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110, tờ bản đồ 19b diện tích 588m², tọa lạc tại khu phố B, thị trấn P, huyện N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 859508 do UBND huyện N cấp cho hộ bà Trương Thị D. Trong quá trình vay vốn ông T, bà H có trả cho ngân hàng được 101.764.358đồng (trong đó trả tiền gốc 48.285.000 đồng + trả tiền lãi 53.479.358đồng). Nhưng từ ngày 20/4/2021 đến nay thì ông T, bà H không trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông T và bà H phải trả nợ tính đến ngày 29/5/2023 tổng cộng là 201.110.888đồng, trong đó nợ gốc 151.715.000đ + lãi trong hạn 35.617.037đ + lãi chậm trả lãi 4.000.529đ + lãi chậm trả gốc 9.778.322đ. Ông T, bà H còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và duy trì tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

- *Bị đơn ông Kinh Đảng Quốc T trình bày:* Ngày 19/11/2018, ông và vợ là bà Trương Thị Thanh H có ký hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519 với Ngân hàng TMCP B—Chi nhánh Ninh Thuận để vay vốn với số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng). Khi vay có ký hợp đồng thế chấp số 631/2018/HĐTCBL/CN Ninh Thuận ngày 19/11/2018 để thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 110, tờ bản đồ 19b diện tích 588m², tọa lạc tại khu phố B, thị trấn P, huyện N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 859508 do UBND huyện N cấp cho hộ bà Trương Thị D. Từ khi vay ông có trả được một số nợ cho Ngân hàng được 101.764.358đồng (gồm tiền gốc 48.285.000đ + tiền lãi 53.479.358đ). Nhưng từ ngày 20/4/2021 vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông và bà H phải trả nợ gốc 151.715.000đ + lãi trong hạn 35.617.037đ + lãi chậm trả lãi 4.000.529đ + lãi chậm trả gốc 9.778.322đ (lãi tính đến ngày 29/5/2023). Tổng cộng 201.110.888đồng. Ông đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng và đồng ý trả lãi phát sinh và duy trì tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trương Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị D, chị Trương Thị R, anh Trương Văn G, chị Trương Thị Hoàng N không có mặt để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

-*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (HĐXX) từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng

như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn ông Kinh Đảng Quốc T đã chấp hành theo đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn bà Trương Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị D, chị Trương Thị R, anh Trương Văn G, chị Trương Thị Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trương Thị Thanh H phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền còn nợ tính đến ngày 29/5/2023 là 201.110.888đồng, trong đó: nợ gốc 151.715.000đ + lãi trong hạn 35.617.037đ + lãi chậm trả lãi 4.000.529đ + lãi chậm trả gốc 9.778.322đ. Ông T và bà H còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai và nghe ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B khởi kiện bị đơn là ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trương Thị Thanh H -là người có hộ khẩu thường trú tại khu phố B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung yêu cầu buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX xác định quan hệ pháp luật của vụ án cần giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[1.1] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn bà Trương Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị D, chị Trương Thị R, anh Trương Văn G, chị Trương Thị Hoàng N:

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà Trương Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để bị đơn bà Trương Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng họ vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ, họ đã từ bỏ quyền

tham gia tố tụng của mình. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, cùng với tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị D, chị Trương Thị R, anh Trương Văn G, chị Trương Thị Hoàng N.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] Ngân hàng TMCP Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải thanh toán khoản nợ đã vay. Do ông T, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được được 101.764.358đồng (gồm tiền gốc 48.285.000đ+tiền lãi 53.479.358đ). Kể từ ngày 20/4/2021 đến nay, ông T, bà H không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Ông T, bà H nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (bằng 150% của lãi suất trong hạn) (Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519). Tại bản tự khai và bảng kê tình hình giao dịch tiền vay mà đại diện Ngân hàng đã nộp xác định ông T, bà H còn nợ ngân hàng tính đến ngày 29/5/2023 là 201.110.888đồng, trong đó nợ gốc 151.715.000đ + lãi trong hạn 35.617.037đ + lãi chậm trả lãi 4.000.529đ + lãi chậm trả gốc 9.778.322đ. Ngoài ra ông T, bà H còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất tại hợp đồng tín dụng.

Từ những tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng đưa ra HĐXX nhận định: Hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519 ngày 19/11/2018 được ký kết giữa ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H với Ngân hàng TMCP B–Chi nhánh Ninh Thuận để vay vốn số tiền 200.000.000đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12,5%/ năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ hàng tháng. Đây là giao dịch mà chủ thể tham gia có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự. Giao dịch giữa Ngân hàng với ông T, bà H được xác lập tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên. Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, Ngân hàng có quyền khởi kiện và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo việc thu hồi nợ. Đối chiếu tài liệu, chứng cứ mà ngân hàng cung cấp cho Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông T có mặt và thừa nhận có nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng. Riêng bị đơn bà Trương Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị D, chị Trương Thị R, anh Trương Văn G, chị Trương Thị Hoàng N vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng đưa ra.

[2.2] Về mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho vay 12,5%/ năm và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Thấy rằng: Cách tính lãi suất của Ngân hàng là đúng như thỏa thuận giữa hai bên đã ký trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, “*Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất...*”

Tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập từ ngày 01/01/2017 như sau:

a/ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b/ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với số nợ gốc tính từ ngày 30/5/2023 đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng.

HĐXX xét thấy: Theo nội dung Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao “*Đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...*”, nên yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp. Vì vậy, buộc ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà H thanh toán xong các khoản nợ.

[2.5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, căn cứ vào Điều 466 BLDS 2015 và Khoản 2 Điều 92 BLTTDS 2015, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa buộc ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền nợ gốc 151.715.000đ + lãi trong hạn 35.617.037đ + lãi chậm trả lãi 4.000.529đ + lãi chậm trả gốc 9.778.322đ (lãi tính đến ngày 29/5/2023). Tổng cộng là 201.110.888đồng.

[3] *Hợp đồng thế chấp*: Đối với hợp đồng thế chấp số 631/2018/HĐTCBL/CN Ninh Thuận ngày 19/11/2018 được ký kết giữa ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H và bà Trương Thị D với Ngân hàng TMCP B đối với quyền sử dụng thửa đất số 110, tờ bản đồ 19b diện tích 588m² (trong đó có 259m² đất ở tại đô thị và 338m² đất nông nghiệp khác) và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn P, huyện N. Qua xem xét thẩm định tài sản xác định trên thửa đất số 110 có 06 căn nhà, (trong đó 01 căn nhà do ông T, bà H đang quản lý; 02 căn nhà do vợ chồng bà Trương Thị R đang quản lý, 03 căn nhà do bà Trương Thị D đang quản lý) và công trình phụ. Quá trình ký kết hợp đồng thế chấp tài sản chỉ công chứng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, không đề cập tài sản trên đất. Nên HĐXX xét thấy hợp đồng chỉ thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

[4] *Về án phí và chi phí tố tụng*:

[4.1] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 3.000.000đồng ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trương Thị Thanh H phải chịu. Do Ngân hàng TMCP B đã đóng tạm ứng chi phí 3.000.000đồng, nên ông T, bà H có trách nhiệm phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000đồng.

[4.2] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trương Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.055.000đồng (làm tròn số, cách tính: 5% của 201.110.888đồng), theo Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 144, Khoản 1 Điều 147; Điều 199; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 117, 280, 351, 357, Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B đối với bị đơn ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trương Thị Thanh H.

Buộc ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trương Thị Thanh H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo khoản vay của hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519 ngày 19/11/2018 với số tiền nợ gốc là 151.715.000đồng + lãi trong hạn 35.617.037đồng + lãi chậm trả lãi 4.000.529đồng + lãi chậm trả gốc 9.778.322đồng (lãi tính đến ngày 29/5/2023). Tổng cộng là 201.110.888đồng (hai trăm lẻ một triệu, một trăm mười ngàn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trương Thị Thanh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng HDTD 62020181519 ngày 19/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B và ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 631/2018/HĐTCBL/CN Ninh Thuận ngày 19/11/2018 được ký kết giữa ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H, bà Trương Thị D với Ngân hàng TMCP B, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

2. Về chi phí tố tụng: ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

3. Về án phí: Ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.055.000đồng (mười triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 4.584.000đ (bốn triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002813, ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần B và bị đơn Kinh Đảng Quốc T có mặt-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/6/2023); Bị đơn Trương Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi Cục THADS N;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Xuân Thủy

BÁO CÁO, ĐỀ XUẤT GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Người báo cáo: Dương Thị Xuân Thủy-thẩm phán.

Ngày báo cáo 06/6/2023,

Ngày xét xử 15/6/2023.

Đối với vụ án dân sự: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B.**

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửu Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Văn Hiệp**—sinh năm 1987—Chuyên viên tổ KHCN phòng khách hàng của Ngân hàng TMCP B—chi nhánh Ninh Thuận tham

gia tố tụng. Địa chỉ: Số 44 đường 16/4, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: ông **Kinh Đảng Quốc T**, sinh năm: 1980

và bà **Trượng Thị Thanh H**, sinh năm: 1985

Trú tại: Khu phố B, P, N, Ninh Thuận.

Người liên quan: Bà **Trượng Thị D**, sinh 1968; Chị **Trượng Thị R**-sinh 1987; Anh **Trượng Văn G**-sinh 1989; Chị **Trượng Thị Hoàng N**-sinh 1997. Cùng địa chỉ: KP B, P, N, Ninh Thuận.

Tóm tắt nội dung vụ án

Đại diện ngân hàng ý kiến: Ngày 19/11/2018, ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trượng Thị Thanh H có ký hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519 với Ngân hàng TMCP B–Chi nhánh Ninh Thuận để vay vốn với số tiền 200.000.000 đồng thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12,5%/ năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ hàng tháng. Khi vay có làm hợp đồng thế chấp số 631/2018/HĐTCBL/CN Ninh Thuận ngày 19/11/2018 để thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 859508 do UBND huyện N và tài sản gắn liền với đất cấp cho hộ bà Trượng Thị D đứng tên đối với thửa đất số 110, tờ bản đồ 19b diện tích 588m², tọa lạc tại khu phố B, thị trấn P, huyện N. Từ khi vay ông T, bà H có trả được một số nợ. Nhưng từ ngày 20/4/2020 đến nay thì ông T, bà H không trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn. Nay Ngân hàng TMCP B–Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận yêu cầu ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trượng Thị Thanh H phải trả nợ gốc Ông T, bà H còn nợ ngân hàng tính đến ngày 29/5/2023 là 201.110.888đ, trong đó: Nợ gốc 151.715.000đ + Phạt gốc 9.777.322đ + Lãi trong hạn 35.617.037đ + Lãi quá hạn 4.000.529đ. Ông T, bà H còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và duy trì tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Bị đơn ông Kinh Đảng Quốc T ý kiến: Ngày 19/11/2018, ông và vợ là Trượng Thị Thanh H có ký hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519 với Ngân hàng TMCP B–Chi nhánh Ninh Thuận để vay vốn với số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay có ký hợp đồng thế chấp số 631/2018/HĐTCBL/CN Ninh Thuận ngày 19/11/2018 để thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 859508 do UBND huyện N và tài sản gắn liền với đất cấp cho hộ bà Trượng Thị D đối với thửa đất số 110, tờ bản đồ 19b diện tích 588m², tọa lạc tại khu phố B, thị trấn P, huyện N. Từ khi vay ông có trả được một số nợ cho Ngân hàng. Nhưng từ ngày 20/4/2020 vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông và bà H phải trả nợ gốc 151.715.000đ + Phạt gốc 9.777.322đ + Lãi trong hạn 35.617.037đ + Lãi quá hạn 4.000.529đ (tính đến ngày 29/5/2023). Tổng cộng 201.110.888đ. Ông đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng và đồng ý trả lãi phát sinh và duy trì tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trượng Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trượng Thị D, chị Trượng Thị R, anh Trượng Văn G, chị Trượng Thị Hoàng N không có mặt để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nhận định

Ngân hàng TMCP Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải thanh toán khoản nợ đã vay. Do Ông T, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 101.764.358 đồng gồm: Nợ gốc 48.285.000 đồng, Nợ lãi trong hạn 53.479.358 đồng. Kể từ ngày 20/4/2020 đến nay, ông T, bà H không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Ông T, bà H nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (bằng 150% của lãi suất trong hạn) (Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519). Tại bản tự khai và Bảng kê tình hình giao dịch tiền vay mà Đại diện Ngân hàng đã nộp xác định tính đến ngày 29/5/2023, Ông T, bà H còn nợ ngân hàng tính đến ngày 29/5/2023 là 201.110.888đ, trong đó: Nợ gốc 151.715.000đ + Phạt gốc 9.777.322đ + Lãi trong hạn 35.617.037đ + Lãi quá hạn 4.000.529đ (tính đến ngày 29/5/2023). Ông T, bà H còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Từ những tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng đưa ra: Hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519 ngày 19/11/2018 được ký kết giữa ông T, bà H với Ngân hàng TMCP B–Chi nhánh Ninh Thuận để vay vốn với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12,5%/ năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ hàng tháng. Đây là giao dịch mà chủ thể tham gia có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự. Giao dịch giữa Ngân hàng với ông T, bà H được xác lập tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên. Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, Ngân hàng có quyền khởi kiện và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo việc thu hồi nợ. Đối chiếu tài liệu, chứng cứ mà ngân hàng cung cấp cho Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông T có mặt và thừa nhận có nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng.

Riêng bị đơn bà Trương Thị Thanh H và những người liên quan bà Trương Thị D, chị Trương Thị R, anh Trương Văn G, chị Trương Thị Hoàng N vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng đưa ra.

Về mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho vay 12,5%/ năm và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Thấy rằng: Cách tính lãi suất của Ngân hàng là đúng như thỏa thuận giữa hai bên đã ký trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, *“Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất...”*

Tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập từ ngày 01/01/2017 như sau:

a/ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp

luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b/ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T, bà H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với số nợ gốc tính từ ngày 30/5/2023, đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng.

Xét thấy: Theo nội dung Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao “*Đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...*”, nên yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp. Vì vậy, buộc ông T, bà H phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà H thanh toán xong các khoản nợ.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, căn cứ vào Điều 466 của BLDS 2015 và Khoản 2 Điều 92 của BLTTDS 2015, xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa buộc ông Kinh Đàng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền: Nợ gốc 151.715.000đ + Phạt gốc 9.777.322đ + Lãi trong hạn 35.617.037đ + Lãi quá hạn 4.000.529đ (tính đến ngày 29/5/2023). Tổng cộng là 201.110.888đ.

Đối với hợp đồng thế chấp: số 631/2018/HĐTCBL/CN Ninh Thuận ngày 19/11/2018 được ký kết giữa ông T, bà Thanh H, bà Trương Thị D với Ngân hàng TMCP B đối với thửa đất số 110, tờ bản đồ 19b diện tích 588m² (trong đó có 259m² đất ở tại đô thị và 338m² đất nông nghiệp khác). Quá trình ký kết hợp đồng thế chấp tài sản chỉ công chứng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, không đề cập tài sản trên đất. Nên HĐXX xét thấy hợp đồng chỉ thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

Đề xuất hướng giải quyết

*Từ các nhận định trên căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147; 199; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 117, 280, 351, 357, Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với bị đơn ông Kinh Đàng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H. Buộc ông T, bà H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519 ngày 19/11/2018 với số tiền nợ gốc 151.715.000đ + phạt gốc 9.777.322đ + lãi trong

hạn 35.617.037đ + lãi quá hạn 4.000.529đ (tính đến ngày 29/5/2023). Tổng cộng là 201.110.888đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phan Ngọc Hào còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng HĐTD 62020181519 ngày 19/11/2018, giữa Ngân hàng TMCP B và ông T, bà H cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 631/2018/HĐTCBL/CN Ninh Thuận ngày 19/11/2018 được ký kết giữa ông T, bà H, bà Trương Thị D với Ngân hàng TMCP B, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Ý kiến của Phó Chánh án:

Ý kiến của Chánh án:

Người báo cáo, đề xuất

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 15 tháng 6 năm 2023,

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh và Bà Lê Thị Hương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 218/2022/TLST-DS ngày 07/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.**

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửu Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn-Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình Tài-Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B-CN Ninh Thuận. Ông Trần Đình Tài ủy quyền lại cho ông **Lê Văn Hiệp**—sinh năm 1987—Chuyên viên tổ KHCN phòng khách hàng của Ngân hàng TMCP B-CN Ninh Thuận tham gia tố tụng. Địa chỉ: Số 44 đường 16/4, phường Tân Tài, tp. Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận (có mặt).

Bị đơn:* ông **Kinh Đảng Quốc T, sinh năm: 1980 (có mặt)

và bà **Trượng Thị Thanh H**, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Trú tại: Khu phố B, P, N, Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1. Bà **Trượng Thị D, sinh năm 1968.
2. Chị **Trượng Thị R** - sinh năm 1987. 3. Anh **Trượng Văn G** - sinh năm 1989. 4. Chị **Trượng Thị Hoàng N** - sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn P, N, Ninh Thuận.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ tranh chấp: Đây là việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”

Biểu quyết 3/3.

2. Điều luật áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 144, Khoản 1 Điều 147; Điều 199; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 280, 351, 357, Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3.

3. Nội dung: Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B đối với bị đơn ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trượng Thị Thanh H. Buộc ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trượng Thị Thanh H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo khoản vay của hợp đồng tín dụng số HDTD 62020181519 ngày 19/11/2018 với số tiền nợ gốc là 151.715.000đồng + lãi trong hạn 35.617.037đồng + lãi chậm trả lãi 4.000.529đồng + lãi chậm trả gốc 9.778.322đồng (lãi tính đến ngày 29/5/2023). Tổng cộng là 201.110.888đồng (hai trăm lẻ một triệu, một trăm mười ngàn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Kinh Đảng Quốc T và bà Trượng Thị Thanh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng HDTD 62020181519 ngày 19/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP

B và ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 631/2018/HĐTCBL/CN Ninh Thuận ngày 19/11/2018 được ký kết giữa ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H, bà Trương Thị D với Ngân hàng TMCP B, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

2. Về chi phí tố tụng: ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Về án phí: Ông Kinh Đảng Quốc T, bà Trương Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.055.000 đồng (mười triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn đồng). Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 4.584.000 đồng (bốn triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002813, ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần B và bị đơn Kinh Đảng Quốc T có mặt-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/6/2023); Bị đơn Trương Thị Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Biểu quyết 3/3.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 30/5/2023. tại phòng nghị án của Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh và Bà Lê Thị Hương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 218/2022/TLST-DS ngày 07/11/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.**

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửu Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn-Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình Tài-Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B-CN Ninh Thuận. Ông Trần Đình Tài ủy quyền lại cho ông **Lê Văn Hiệp**—sinh năm 1987-Chuyên viên tổ KHCN phòng khách hàng của Ngân hàng TMCP B-CN Ninh Thuận tham gia tố tụng. Địa chỉ: Số 44 đường 16/4, phường Tân Tài, tp. Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận (có mặt).

Bị đơn:* ông **Kinh Đảng Quốc T, sinh năm: 1980 (có mặt)
và bà **Trượng Thị Thanh H**, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Trú tại: Khu phố B, P, N, Ninh Thuận.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Trượng Thị D**, sinh năm 1968.
2. Chị **Trượng Thị R** - sinh năm 1987.
3. Anh **Trượng Văn G** - sinh năm 1989.
4. Chị **Trượng Thị Hoàng N** - sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn P, N, Ninh Thuận.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

Xét thấy: Bị đơn bà Trượng Thị Thanh H và những người liên quan vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết và quyết định 3/3 vấn đề của vụ án như sau:

Căn cứ vào khoản 1 điều 227, điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Quyết định hoãn phiên tòa dân sự thụ lý số 218/2022/TLST-DS ngày 07/11/2022.

Thời gian và địa điểm mở lại phiên tòa được ấn định xét xử lại vào lúc 07giờ 30 phút ngày 15/6/2023.

